

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02-11-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Xuân Hình.

+ Ông K’Đào.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Thân Văn Đông, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên Tòa:
Ông K’ Dem – Kiểm Sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXX-DS ngày 12/7/2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị A**; sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Văn H**; sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị A có mặt; Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị A, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 04/01/2010, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh 06 năm rồi chuyển về sinh sống tại xã H, D, Lâm Đồng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm

2020 thì phát sinh mâu thuẫn cãi vã, xô sát. Từ cuối năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân mạnh ai lấy sống. Tình cảm vợ chồng không còn, nay chị tôi xin được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 09/9/2015. Hai cháu H1 và Ph đều khỏe mạnh và hiện đang ở với tôi, khi ly hôn tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/01 cháu/ tháng.

+ Về phần tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là Giấy kết hôn, giấy khai sinh của cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 09/9/2015. Ngoài ra nguyên đơn không giao nộp bổ sung tài liệu gì, không đề nghị Tòa án tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ gì, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác.

- Theo bản tự khai ngày 17/5/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn H, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Nguyễn Thị A tìm hiểu nhau hơn 01 năm rồi tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 04/01/2010, được sự đồng ý của gia đình chúng tôi có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ở thành phố Hồ Chí Minh 06 năm. Năm 2017 vợ chồng chuyển về sinh sống tại xã H, D, Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô sát nay chị Nguyễn Thị A khởi kiện xin ly hôn thì tôi đồng ý.

+ Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 09/9/2015. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả cháu Nguyễn Tấn Ph không yêu cầu bà A phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Ngày 19/6/2021 anh Nguyễn Văn H đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Tôi đã nhận được giấy triệu tập tham dự phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa tôi và bà Nguyễn Thị A vào ngày 17/6/2021 do dịch bệnh Covid nên tôi không thể trực tiếp tham gia vụ án được. Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị được vắng mặt tại buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong phiên xét xử của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi xin gửi kèm tất cả giấy tờ có liên quan đến vụ án mà tôi có cũng như trình bày quan điểm của tôi về việc phân chia tài sản chung và quyền nuôi con như sau: Nhà cửa tài sản chúng tôi tự thỏa thuận không tranh chấp gì. Chúng tôi tự thỏa thuận bà Nguyễn Thị A nuôi 02 đứa con và tôi Nguyễn Văn H

có trách nhiệm chu cấp 06 tháng một lần là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu) cho tới khi con tôi đủ 18 tuổi.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tông đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với Nguyễn Văn H. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Tân Ph, sinh ngày 09/9/2015 cho chị Nguyễn Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/01 cháu/tháng cho đến khi cháu H1 và cháu Ph trưởng thành. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị A và anh H xác định không có nên không đề cập xem xét giải quyết. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H có địa chỉ cư trú Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh là đúng quy định.

[2] Về sự vắng mặt của của bị đơn: Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề đảm bảo thời gian chuẩn bị xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh H xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2010 tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị A và anh H là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Chị A xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, chị A và anh H đã sống

ly thân từ cuối năm 2020 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị A và anh H được ly hôn là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 09/9/2015. Hai cháu hiện khỏe mạnh đang học tập, sinh sống cùng chị Nguyễn Thị A tại xã H, D, Lâm Đồng. Cháu Nguyễn Minh H1 sinh ngày 12/01/2011 đã trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với chị Nguyễn Thị A. Mặt khác tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H có ý kiến giao hai con cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 24.000.000đ/06 tháng/02 con cho đến khi đủ tuổi thành niên nên giao 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 09/9/2015 cho chị Nguyễn Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên, buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/01 cháu/tháng cho đến khi cháu H1 và cháu Ph đủ tuổi thành niên là phù hợp.

[5] Về tài sản: Nguyên đơn chị A và bị đơn anh H trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung và công sức đóng góp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết trong bản án này.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, anh Nguyễn Văn H chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; điều 227; điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 09/9/2015 cho chị Nguyễn Thị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Buộc anh H cấp dưỡng nuôi 02 con chung 4.000.000 đồng/tháng/02 con (2.000.000 đồng/tháng/01 con). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2021 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0005640 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Di Linh.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Chị A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Cơ quan THADS huyện Di Linh;
- UBND xã Hòa Bắc ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đồng

